

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO : Quản trị kinh doanh
NGÀNH : Quản trị kinh doanh
MÃ SỐ : 8340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1290/QĐ-ĐHVN ngày 03 tháng 09 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật)

1. Thông tin chung

Tên chương trình	
- Tiếng Việt:	Quản trị Kinh doanh
- Tiếng Anh:	Business Administration
Tên ngành	
- Tiếng Việt:	Quản trị Kinh doanh
- Tiếng Anh:	Business Administration
Mã ngành	8340101
Danh hiệu tốt nghiệp	Thạc sĩ
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Anh
Thời gian đào tạo chuẩn	2 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp (* Là thông tin hiển thị trên văn bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của ĐHQGHN tại thời điểm tốt nghiệp)	
- Tiếng Việt:	Bằng Thạc sĩ ngành: Quản trị Kinh doanh Chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Tiếng Anh:	Degree of Master, Major: Business Administration Training Program: Business Administration
Định hướng đào tạo	Nghiên cứu
Đơn vị tổ chức đào tạo	Khoa Khoa học Xã hội liên ngành (FISS), Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Việt Nhật có mục tiêu đào tạo những nhà quản trị và chuyên gia có kiến thức quản trị nâng cao, năng lực nghiên cứu và khả năng giải quyết các vấn đề quản trị phức tạp; có năng lực lãnh đạo, đổi mới sáng tạo và vận dụng tri thức quản trị hiện đại trong bối cảnh quốc tế, chuyển đổi số và đa văn hóa. Chương trình chú trọng vận dụng các lý thuyết và thực

tiền quản trị hiện đại, đặc biệt là kinh nghiệm và thực tiễn quản trị Nhật Bản vào bối cảnh Việt Nam, gắn với phát triển bền vững, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh hướng tới giúp người học sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- PO1 (Kiến thức chuyên môn): Phân tích và vận dụng kiến thức nâng cao, chuyên sâu và liên ngành về các lĩnh vực cốt lõi của quản trị kinh doanh trong bối cảnh kinh tế - xã hội và thực tiễn quản trị của Việt Nam, Nhật Bản và quốc tế.
- PO2 (Năng lực nghiên cứu và giải quyết vấn đề): Thực hiện nghiên cứu, phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị phức tạp; đề xuất và lựa chọn các giải pháp khả thi, có cơ sở khoa học, đồng thời vận dụng đổi mới sáng tạo và tri thức quản trị hiện đại trong ra quyết định và giải quyết vấn đề.
- PO3 (Lãnh đạo, đạo đức và trách nhiệm): Lãnh đạo và điều phối các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu; ra quyết định và chịu trách nhiệm về kết quả công việc; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức kinh doanh, pháp luật và trách nhiệm xã hội; cập nhật và vận dụng tri thức mới để phát triển năng lực chuyên môn và đáp ứng những thay đổi của môi trường kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- PLO1: Phân tích được bối cảnh kinh tế – xã hội, môi trường kinh doanh và các yêu cầu về phát triển bền vững dựa trên kiến thức nền tảng và liên ngành.
- PLO2: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích dữ liệu, bao gồm các công cụ AI, để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu nhằm cung cấp bằng chứng cho quyết định quản trị.
- PLO3: Đánh giá các vấn đề quản trị phức tạp của tổ chức thông qua việc tích hợp và vận dụng kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh.
- PLO4: Đánh giá khả năng vận dụng một số mô hình và thực tiễn quản trị tiêu biểu của Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh quốc tế và môi trường đa văn hóa.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- PLO5: Đề xuất giải pháp quản trị có tính đổi mới cho các vấn đề kinh doanh phức tạp trên cơ sở bằng chứng và tư duy phản biện.

- PLO6: Thiết kế và thực hiện những nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh theo chuẩn mực khoa học nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn và đóng góp vào phát triển tri thức quản trị.

- PLO7: Lập kế hoạch và tổ chức triển khai giải pháp quản trị trong các hoạt động và dự án chiến lược của tổ chức trong môi trường đa dạng và thay đổi.

- PLO8: Sử dụng tiếng Anh ở mức độ đáp ứng yêu cầu giao tiếp, trình bày và hợp tác phục vụ học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp. Đạt trình độ tiếng Anh Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO9: Lập kế hoạch, quản lý và tự đánh giá hoạt động học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp một cách tự chủ và có trách nhiệm, phù hợp với định hướng học tập suốt đời.

- PLO10: Thực hiện hoạt động quản trị và nghiên cứu theo quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và nguyên tắc liêm chính học thuật.

3.4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp Chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh có thể theo đuổi các định hướng nghề nghiệp và học thuật sau:

- Các vị trí quản lý và lãnh đạo tại các doanh nghiệp và tập đoàn đa quốc gia, bao gồm các vị trí như quản lý kinh doanh, quản lý dự án, quản lý bộ phận hoặc chuyên viên quản lý;

- Các vị trí chuyên môn trong doanh nghiệp, chẳng hạn như phát triển kinh doanh, chiến lược, lập kế hoạch, vận hành, marketing, nhân sự, tài chính và các vị trí quản lý liên quan;

- Các vị trí tại cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế và các tổ chức khác hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển kinh tế và hợp tác Việt Nam – Nhật Bản;

- Các vị trí trong nghiên cứu, tư vấn và giảng dạy trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản lý và các lĩnh vực liên quan.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, học tập suốt đời, cập nhật tri thức và phát triển các kỹ năng chuyên môn nhằm thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động quản trị, lãnh đạo và phát triển tổ chức;

- Có khả năng theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực quản trị, kinh tế và các chương trình phù hợp tại các đại học uy tín trong nước và trên thế giới.

4. Chuẩn đầu vào

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh tuyển sinh thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức và ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức. Các ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức bao gồm Quản trị Kinh doanh (7340101), Khoa học Quản lý (7340401), Kinh tế Quốc tế (7310106), Tài chính – Ngân hàng (7340201), Marketing (7340115), Kế toán (7340301), Quản trị Nhân lực (7340404). Các ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức là các ngành đào tạo khác trong danh mục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư Số: 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022), các ngành có tính liên ngành cao, các ngành do nước ngoài cấp mà không trùng với mã của các ngành đã liệt kê, sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

Bổ sung kiến thức

Ứng viên tốt nghiệp các ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức cần học bổ sung các học phần sau:

STT	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Nguyên lý Quản trị kinh doanh	3
2	Nguyên lý Kế toán và Tài chính của doanh nghiệp	3
Tổng số tín chỉ		6

4.2. Yêu cầu đầu vào

4.2.1. Yêu cầu chung

Thí sinh dự tuyển vào chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh phải đáp ứng các quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Việt Nhật, cụ thể:

- Yêu cầu về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp theo quy định tại mục 4.1.

- Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ: Đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào theo quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh.

- GPA và thành tích nghiên cứu khoa học: Ứng viên phải có GPA từ 2,5/4,0 trở lên hoặc có thành tích tham gia công bố khoa học (chẳng hạn như sách, giáo trình, bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, báo cáo được công bố trong kỷ yếu hội thảo hoặc tham gia các hội thảo khoa học chuyên ngành) có liên quan đến lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

- Yêu cầu khác: Đáp ứng các điều kiện về hồ sơ, lý lịch và các yêu cầu khác theo quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Việt Nhật và các quy định pháp luật có liên quan.

4.2.2. Yêu cầu đầu vào với ứng viên là sinh viên mới tốt nghiệp nộp hồ sơ xét tuyển thẳng:

- Ứng viên đáp ứng các yêu cầu chung ở mục 4.2.1.
- Ứng viên tốt nghiệp đúng ngành Quản trị Kinh doanh, có GPA từ 3,2/4,0 trở lên, trong vòng 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ, từ các chương trình đào tạo chuẩn, chất lượng cao của ĐHQGHN hoặc các chương trình đào tạo bên ngoài ĐHQGHN đã được các tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận kiểm định. (Các chương trình đào tạo này phải vẫn còn được kiểm định tại thời điểm ứng viên đang theo học ở bậc đại học.)
- Ứng viên tốt nghiệp từ ĐHQGHN thuộc các ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức, có GPA từ 3,2/4,0 trở lên, trong vòng 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

Lưu ý: Thông tin chi tiết sẽ được quy định trong thông báo tuyển sinh sau đại học được ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.

4.3. Phương thức và quy mô tuyển sinh

- Phương thức và quy mô tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và Đề án tuyển sinh sau đại học được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, hướng dẫn tuyển sinh hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội, và kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Việt Nhật.

Chương trình thạc sĩ quản trị kinh doanh xét tuyển theo hai phương thức sau:

- Phương thức 1: Xét hồ sơ dự tuyển và phỏng vấn
- Phương thức 2: Xét tuyển thẳng đối với sinh viên mới tốt nghiệp. Ứng viên đáp ứng các yêu cầu về ngành đào tạo, điểm GPA và trình độ tiếng Anh theo quy định trong thông báo tuyển sinh có thể nộp hồ sơ ngay sau khi tốt nghiệp mà không cần tham gia phỏng vấn với các thành viên của Tiểu ban tuyển sinh.

Lưu ý: Hồ sơ dự tuyển được yêu cầu theo quy định của Trường Đại học Việt Nhật và ĐHQGHN.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 15 người/khóa (năm 2026); các năm tiếp theo được xác định căn cứ vào điều kiện bảo đảm chất lượng, năng lực đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh được giao.

5. Phương pháp giảng dạy và đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) định hướng nghiên cứu, áp dụng phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, bảo đảm sự gắn kết giữa chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá. Chương trình kết hợp giữa kiến thức học thuật, nghiên cứu và thực tiễn quản trị, chú trọng phát triển tư duy phản

biện, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề, năng lực nghiên cứu, lãnh đạo và quản trị, đồng thời tích hợp các nội dung về phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thực tiễn quản trị Nhật Bản.

Các phương pháp giảng dạy và học tập chủ yếu gồm: giảng dạy trực tiếp và bài giảng chuyên đề; học tập dựa trên tình huống và vấn đề (Case-Based and Problem-Based Learning); học tập dựa trên nghiên cứu (Research-Based Learning); seminar và thảo luận học thuật; học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning); học tập trải nghiệm và kết nối với thực tiễn; học tập độc lập có hướng dẫn; và học tập so sánh, liên văn hóa. Hoạt động đào tạo có sự tham gia của giảng viên Trường Đại học Việt Nhật, các giáo sư, nhà nghiên cứu từ các trường đại học đối tác Nhật Bản và quốc tế, cùng các chuyên gia, nhà quản lý từ doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

Các hoạt động học tập được tổ chức bằng tiếng Anh và trong môi trường quốc tế, tạo điều kiện để người học tiếp cận tri thức quản trị hiện đại, phân tích và so sánh thực tiễn quản trị Việt Nam, Nhật Bản và quốc tế, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu và làm việc trong môi trường đa văn hóa. Đối với chương trình định hướng nghiên cứu, Chuyên đề nghiên cứu, Thực tập nghiên cứu và Luận văn thạc sĩ được thiết kế có tính liên kết, hỗ trợ người học phát triển năng lực nghiên cứu từ hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai nghiên cứu đến trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.

5.2. Phương pháp đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo nguyên tắc đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá. Chương trình kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, sử dụng đa dạng các phương pháp phù hợp với đặc điểm của từng học phần.

Các phương pháp đánh giá chủ yếu gồm: bài kiểm tra, bài tập cá nhân và nhóm, phân tích tình huống, tiểu luận, báo cáo, thuyết trình, seminar, dự án, sản phẩm học tập, nghiên cứu và luận văn thạc sĩ. Đối với các hoạt động nghiên cứu, người học được đánh giá về khả năng xác định vấn đề và câu hỏi nghiên cứu, tổng quan tài liệu, lựa chọn và vận dụng phương pháp nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, lập luận dựa trên bằng chứng và trình bày kết quả nghiên cứu. Đối với các hoạt động dự án, tình huống và thực tiễn, việc đánh giá chú trọng năng lực phân tích, giải quyết vấn đề, ra quyết định, đề xuất và triển khai giải pháp quản trị.

Năng lực giao tiếp và sử dụng tiếng Anh được đánh giá thông qua các hoạt động thuyết trình, thảo luận, seminar, báo cáo và viết học thuật. Năng lực tự chủ, làm việc nhóm,

trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp được đánh giá thông qua quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, dự án và các hoạt động nhóm.

Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch và khách quan theo các tiêu chí hoặc bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) được công bố trước cho người học. Kết quả đánh giá được đối chiếu với các chuẩn đầu ra tương ứng và sử dụng làm cơ sở cung cấp phản hồi cho người học và cải tiến chương trình đào tạo theo chu trình cải tiến chất lượng.

6. Khối lượng chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	60 tín chỉ
- <i>Khối kiến thức chung:</i>	09 tín chỉ
- <i>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:</i>	27 tín chỉ
+ Khối kiến thức cơ sở (bắt buộc)	07 tín chỉ
+ Khối kiến thức chuyên ngành	20 tín chỉ
Bắt buộc:	12 tín chỉ
Tự chọn:	08 tín chỉ
- <i>Nghiên cứu khoa học:</i>	24 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu:	12 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ:	12 tín chỉ

7. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

TT. No.	Mã học phần Course Code	Tên học phần Course Name	Số tín chỉ Credits	Số giờ học Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				(1)	(2)	(3)	
I	Khối kiến thức chung General Knowledge Block		9				
1	PHI5002	Triết học Philosophy	4	40	40	120	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SDH)* English B2 (Postgraduate)	5	75	0	175	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành Foundational and Specialized Knowledge Block		27				
II.1	Khối kiến thức cơ sở Foundational Knowledge Block		7				
3	VJU6032	Cơ sở khoa học bền vững Basic of Sustainability Science	3	40	10	100	
4	VJU6031	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong Khoa học xã hội và Nhân văn	2	28	4	68	

TT. No.	Mã học phần Course Code	Tên học phần Course Name	Số tín chỉ Credits	Số giờ học Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				(1)	(2)	(3)	
		<i>Responsible Data Science and Artificial Intelligence in the Social Sciences and Humanities</i>					
	<i>Học viên lựa chọn một trong hai học phần tiếng Nhật** Students choose one of the two Japanese language courses**</i>		2/4				
5	VJU5006	Tiếng Nhật sơ cấp <i>Japanese Language Beginner</i>	2	15	30	55	
6	VJU5010	Tiếng Nhật nâng cao <i>Japanese Language Upper</i>	2	20	20	60	
II.2	Khối kiến thức chuyên ngành Specialized Knowledge Block		20				
II.2.1	Các học phần bắt buộc Compulsory courses		12				
7	MBA6033	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	2	26	8	66	
8	MBA6034	Quản trị Marketing <i>Marketing Management</i>	2	26	8	66	
9	MBA6035	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	2	26	8	66	
10	MBA6036	Quản trị hoạt động sản xuất <i>Operations Management</i>	2	26	8	66	
11	MBA6037	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	2	26	8	66	
12	MBA6038	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh ở Nhật Bản đương đại <i>Economy and Business Management in Contemporary Japan</i>	2	26	8	66	
II.2.2	Các học phần tự chọn Elective courses		8/30				
13	MBA6039	Chính phủ và kinh tế thị trường <i>Government and Market Economy</i>	2	26	8	66	
14	MBA6040	Kinh tế quản trị <i>Managerial Economics</i>	2	26	8	66	MBA6039
15	MBA6041	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	2	26	8	66	
16	MBA6042	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	2	26	8	66	
17	MBA6043	Quản trị doanh nghiệp <i>Corporate Governance</i>	2	26	8	66	

TT. No.	Mã học phần <i>Course Code</i>	Tên học phần <i>Course Name</i>	Số tín chỉ <i>Credits</i>	Số giờ học <i>Studying hours</i>			Học phần tiền quyết <i>Pre- requisite</i>
				(1)	(2)	(3)	
18	MBA6044	Kế toán doanh nghiệp <i>Accounting for Business</i>	2	26	8	66	
19	MBA6045	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	2	26	8	66	
20	MBA6046	Công nghệ và quản trị đổi mới <i>Technology and Innovation Management</i>	2	26	8	66	
21	MBA6047	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	2	26	8	66	
22	MBA6048	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	2	26	8	66	
23	MBA6049	Mô phỏng quản trị <i>Management Simulation</i>	2	26	8	66	
24	MBA6050	Quản trị so sánh <i>Comparative Management</i>	2	26	8	66	
25	MBA6051	Môi trường pháp lý trong kinh doanh <i>Legal Environment of Business</i>	2	26	8	66	
26	VJU5102	Tiếng Nhật I <i>Japanese Language I</i>	2	20	20	60	VJU5006
27	VJU5103	Tiếng Nhật II <i>Japanese Language II</i>	2	20	20	60	VJU5010
II.2.3	Chuỗi các bài giảng đặc biệt <i>Special Lecture Series</i>		0				
III	Nghiên cứu khoa học <i>Scientific research</i>		24				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu <i>Research and project topics</i>		12				
28	VJU7202	Tiếng Anh học thuật và kỹ năng nghiên cứu <i>Academic English and Research Skills</i>	2	26	8	66	
29	MBA6052	Thống kê và Phân tích dữ liệu trong kinh doanh <i>Business Statistics and Data Analysis</i>	2	26	8	66	
30	VJU7204	Phương pháp nghiên cứu <i>Research Methodology</i>	3	39	12	99	MBA6052
31	MBA6101	Chuyên đề nghiên cứu <i>Research Seminar</i>	2	20	20	60	
32	MBA6102	Thực tập nghiên cứu <i>Research Internship</i>	3	12	66	72	VJU7204
III.2	Luận văn thạc sĩ <i>Master's Thesis</i>		12				

TT. No.	Mã học phần Course Code	Tên học phần Course Name	Số tín chỉ Credits	Số giờ học Studying hours			Học phần tiền quyết Pre- requisite
				(1)	(2)	(3)	
33	MBA7200	Luận văn thạc sĩ Master's Thesis	12	0	360	240	MBA6101 MBA6102
Tổng (Total)			60				

Ghi chú:

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1) : Lý thuyết.

(2) : Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận...

(3) : Tự học cho học lý thuyết, học thực hành, thực tập, tự nghiên cứu, thực hiện ôn tập và kiểm tra đánh giá.

* Học phần Tiếng Anh B2 (SDH) là học phần điều kiện, có khối lượng 5 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh B2 (SDH) không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo.

** Đối với các học phần tiếng Nhật, không tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào.

- Học viên không có chứng chỉ tiếng Nhật tương đương JLPT-N3 trở lên bắt buộc phải đăng ký học học phần Tiếng Nhật sơ cấp (VJU5006).
- Học viên có chứng chỉ tương đương JLPT-N3 trở lên hoặc là người Nhật (người có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Nhật) được miễn học VJU5006 nhưng phải tham gia kỳ thi theo quy định để được công nhận kết quả học tập.
- Học viên có chứng chỉ tương đương JLPT-N2 trở lên hoặc hoặc là người Nhật (người có ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Nhật) được lựa chọn (1) miễn học VJU5006 và tham gia kỳ thi theo quy định, hoặc (2) đăng ký học học phần Tiếng Nhật nâng cao (VJU5010) và tham gia học, thi theo quy định của học phần.